TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thìn
Ông Điểu Bách

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Đông T, sinh năm 1991. Quốc tịch: Việt Nam;
Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước, Việt Nam (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đặng Hoàng M, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1993; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Số hộ chiếu: Bxxxxx09. Nơi cư trú: Maxine Street, Santa Ana, CA 92704, USA (vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mai Đông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Đặng Hoàng M kết hôn với nhau vào ngày 10/11/2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 10/11/2016. Quá trình chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hoà hợp, hạnh phúc. Năm 2018, ông M sang Mỹ để sinh sống, làm việc, bà T vẫn tiếp tục ở Việt Nam. Vì không còn sống chung với nhau nên vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiểu lầm. Vợ chồng bà T, ông M đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và hiện bà T, ông M đã sống ly

thân nên bà T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đặng Hoàng M.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông M không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M:

Quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện các thủ tục uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật đến cơ quan có thẩm để tống đạt cho ông Nguyễn Đặng Hoàng M các văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M. Tại Công văn số 357/BTP-PLQT ngày 28/02/2023 của Bộ Tư pháp thông báo về kết quả uỷ thác tư pháp thể hiện Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho ông Nguyễn Đặng Hoàng M vào ngày 20/12/2022 nhưng không thực hiện được vì không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Theo yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Đông T và để có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã thực hiện thủ tục đăng tin thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án đối với bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M trên Cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân tối cao, Trang thông tin điện tử của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước, thông báo trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp 27, 28 và 29/3/2023 nhưng đến nay Toà án vẫn không nhận được tài liệu, chứng cứ hay văn bản nêu ý kiến của ông Nguyễn Đặng Hoàng M liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà Mai Đông T.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn bà Mai Đông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Đông T, xử cho bà Mai Đông T được ly hôn với ông Nguyễn Đặng Hoàng M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Mai Đông T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thôn C, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước, Việt Nam khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đặng Hoàng M, quốc tịch Việt Nam, nơi cư trú Maxine Street, Santa Ana, CA 92704, USA nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước được quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M đã được Toà án thực hiện các thủ tục uỷ thác tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả vì không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn bà Mai Đông T cung cấp địa chỉ mới của bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M, tuy nhiên do bà T không còn bất cứ liên lạc nào với ông Nguyễn Đặng Hoàng M cũng như không còn biết địa chỉ nào khác của bị đơn ngoài địa chỉ có trong hồ sơ đăng ký kết hôn nên không thể cung cấp được địa chỉ mới của ông Nguyễn Đặng Hoàng M cho Toà án. Vì vậy, theo yêu cầu của bà T, Toà án đã thực hiện thủ tục đăng tin thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M về việc thụ lý giải quyết vụ án "Ly hôn" giữa nguyên đơn bà Mai Đông T với bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M trên Hệ Phát thanh đối ngoại Quốc gia, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp là các ngày 27, 28, 29/3/2023 và đăng tin thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân tối cao, Trang thông tin điện tử của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước vào ngày 28/3/2023 nhưng bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M vắng mặt tại phiên toà.

Vì vậy, căn cứ vào các điều 227, 228 và khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Mai Đông T và bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/11/2016 tại UBND huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà T và ông M chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2018 ông M sang Mỹ để sinh sống, làm việc, bà T vẫn tiếp tục ở Việt Nam. Vì không còn sống chung với nhau nên vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, bà T, ông M đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn liên lạc, quan tâm lẫn nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên đã không sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đặng Hoàng M là có cơ sở nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho bà Mai Đông T được ly hôn với ông Nguyễn Đặng Hoàng M.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đây là vụ án ly hôn theo yêu cầu của một bên do nguyên đơn bà Mai Đông T khởi kiện nên bà T phải chịu theo quy định.

- Chi phí uỷ thác tư pháp: Bà Mai Đông T phải chịu 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

- Các chi phí tố tụng khác: Bà Mai Đông T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 6 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 151, 152, 153 và 154 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Mai Đông T.

Xử cho bà Mai Đông T được ly hôn với ông Nguyễn Đặng Hoàng M.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí và các chi phí tố tụng:

- *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Mai Đông T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019811 ngày 15/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (do Ngô Ngọc Bình D nộp thay).

- *Chi phí uỷ thác tư pháp:* Nguyên đơn bà Mai Đông T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007289 ngày 08/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (do Nguyễn Thị Phương T nộp thay).

- *Chi phí tố tụng khác:* Bà Mai Đông T phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí dịch thuật; 95 USD chi phí thực tế tống đạt

giấy tờ uỷ thác tư pháp và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí đăng tin thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án trên Hệ Phát thanh đối ngoại Quốc gia, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp và bà T đã thực hiện xong.

Do bà Mai Đông T chưa nộp tạm ứng chi phí đăng tin thông báo đối với Bản án sơ thẩm trên Hệ Phát thanh đối ngoại Quốc gia, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) nên bà T phải tiếp tục chịu số tiền này theo quy định. (Nộp vào tài khoản của Ban Đối ngoại - Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) theo thông báo của Toà án).

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Mai Đông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Đặng Hoàng M vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện P, tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư